

Luận bàn về các công cụ được áp dụng trong quản lý môi trường và quản lý môi trường với sự tham gia của cộng đồng

PGS. TS. Nguyễn Lâm Quảng
Viện Môi trường Đô thị và Công nghiệp Việt Nam

1. Đặt vấn đề

Để quản lý môi trường thì bất cứ quốc gia nào cũng sử dụng nhiều công cụ quản lý khác nhau, nhiều phương thức quản lý khác nhau. Quản lý môi trường với sự tham gia của cộng đồng cũng là một phương thức quản lý được áp dụng tại nước ta cũng như nhiều nước trên thế giới. Tuy nhiên, hiệu quả của việc sử dụng các công cụ quản lý cũng như vai trò và hiệu quả của công tác quản lý môi trường với sự tham gia của cộng đồng phụ thuộc vào nền hành chính, vào cơ chế chính sách và cơ cấu tổ chức cũng như năng lực quản lý của bộ máy quản lý ... của mỗi quốc gia, mỗi địa phương.

Các hình thức tham gia của cộng đồng rất đa dạng, thể hiện ở nhiều hành vi khác nhau. Chẳng hạn, cộng đồng tham gia giám sát, phản biện các dự án môi trường hoặc cùng nhau tổ chức thực hiện vệ sinh môi trường nơi công cộng, nơi ở, khu phố, làng xóm, đến việc cộng đồng trong dòng họ thực hiện hương ước bảo vệ môi trường. ... Cộng đồng ưu tiên sử dụng hàng hóa của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, làm tốt công tác bảo vệ môi trường (BVMT), tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường và ngược lại tẩy chay hàng hóa, sản phẩm của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường ...

Trong khuôn khổ giới hạn của bài báo chúng tôi chỉ muốn bàn về một khía cạnh, một sự kiện đề cập tới mối liên quan và tính hiệu quả trong áp dụng các công cụ quản lý môi trường và sự tham gia của cộng đồng như là một nhà quản lý không chính thức trong quản lý môi trường, trong việc tham gia xử lý các vấn đề vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường ...

2. Quản lý môi trường và các công cụ trong quản lý môi trường.

2.1. Khái quát về quản lý môi trường

Còn có những khác biệt về cách hiểu cụm từ này, tùy theo đứng ở góc nhìn nào (kinh tế, sinh thái, thể chế chính sách ...) song theo tôi cách hiểu sau đây mang tính phổ quát nhất, đó là: Quản lý môi trường là tổng hợp các biện pháp, luật pháp, chính sách kinh tế, xã hội, kỹ thuật thích hợp nhằm bảo vệ chất lượng môi trường sống và phát triển bền vững kinh tế - xã hội của một quốc gia.

Theo định nghĩa này thì các biện pháp nói trên chính là các công cụ để quản lý môi trường. Tuy nhiên, trong thực tế tùy thuộc đối tượng gây ô nhiễm và điều kiện cụ thể về môi trường mà có sự lựa chọn biện pháp áp dụng hình thức (công cụ) quản lý phù hợp thì mới có hiệu quả.

2.2. Các công cụ áp dụng trong quản lý môi trường

Trong quản lý môi trường ta thường nói đến 2 công cụ quản lý cơ bản đó là: Công cụ pháp lý và Công cụ kinh tế, ngoài ra còn có thêm các khái niệm về Công cụ Kỹ thuật - công nghệ hay Công cụ hỗ trợ Công cụ pháp lý là việc Nhà nước ban hành các văn bản pháp luật như các quy chuẩn, tiêu chuẩn, các quy định của luật pháp về bảo vệ môi trường. Đồng thời thiết lập cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý để giám sát, thực thi các quy định trong các văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường. Hình thức

quản lý này mang tính hành chính buộc mọi người, mọi tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội phải tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Do vậy, công cụ này còn được gọi là công cụ của Mệnh lệnh và Kiểm soát. Công cụ kinh tế là việc Nhà nước thông qua các chính sách ưu tiên, chính sách về thuế, tiêu thụ sản phẩm, chính sách liên quan đến xử lý chất thải..... Nguyên tắc cơ bản nhất của công cụ quản lý này là Người gây ô nhiễm phải trả tiền. Công cụ kinh tế thường chỉ được áp dụng trong nền kinh tế thị trường. Đương nhiên, mỗi loại hình công cụ quản lý đều có các ưu điểm và nhược điểm. Vì vậy, trong quản lý môi trường chúng ta thường phải áp dụng kết hợp tất cả các loại hình công cụ quản lý để đạt hiệu quả tốt nhất..

Công cụ pháp lý được sử dụng đầu tiên và cho đến nay vẫn là công cụ chủ lực và sắc bén để kiểm soát tình trạng ô nhiễm và sự xuống cấp của môi trường sống. Theo đó các cơ sở sản xuất, các doanh nghiệp và mọi người dân buộc phải tuân thủ những quy định nghiêm ngặt về bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, theo cách tiếp cận này đòi hỏi cần có một bộ máy pháp quyền và thực thi pháp luật đồ sộ, phức tạp, đồng thời cơ quan quản lý môi trường phải có được các số liệu quan trắc, đo đạc thường xuyên. ...

Công cụ kinh tế được coi là công cụ bổ sung cho công cụ pháp lý và được sử dụng rộng rãi trong nền kinh tế thị trường. Một loạt các cơ chế, chính sách mà Nhà nước thiết lập để quản lý môi trường như các mức thuế, phí sử dụng tài nguyên, thuế, phí xả chất thải và các hạn mức xử phạt các vi phạm Điều này buộc các nhà sản xuất, các doanh nghiệp phải có sự lựa chọn đầu tư thiết bị, thay đổi dây chuyền công nghệ, thay đổi tính chất và tiết kiệm tối đa nguyên liệu đầu vào để giảm các loại thuế và phí nói trên thậm chí tránh bị xử phạt. Phương thức này đã tạo ra một nguồn thu cho ngân sách nhà nước để đầu tư trở lại cho môi trường, tạo ra một thứ đòn bẩy trong kinh tế khi mà nhà doanh nghiệp lựa chọn phương án tối ưu trong sản xuất, theo hướng phát triển bền vững. Tuy nhiên, đây cũng là công cụ đòi hỏi chi phí quản lý lớn, số liệu điều tra, quan trắc nhiều hơn.

Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (Luật số 72/2020/QH14) đã đồng bộ hóa các công cụ quản lý môi trường theo từng giai đoạn thực hiện của các chương trình, dự án. Bắt đầu từ khâu xem xét chủ trương đầu tư, thẩm định dự án, thực hiện dự án cho đến khi dự án đi vào vận hành chính thức và kết thúc dự án. Công việc này bao gồm: Chiến lược BVMT quốc gia, quy hoạch BVMT, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá sơ bộ tác động môi trường, đánh giá tác động môi trường (ĐTM), giấy phép môi trường và đăng ký môi trường.

3. Cộng đồng, khái niệm về cộng đồng và sự tham gia của cộng đồng

3.1. Khái niệm về cộng đồng

Theo Từ điển tiếng Việt, Trung tâm Từ điển học, NXB Đà Nẵng, 2020 thì cụm từ Cộng đồng được hiểu như sau:

“Cộng đồng” là 1 từ Hán Việt 2 thành tố. “Cộng” (共), có nghĩa là "chung vào, cùng nhau", “đồng” (同) có nghĩa "cùng (như một)". “Cộng đồng” có nghĩa gốc là "cùng chung với nhau" và từ đó, có nghĩa (đang được sử dụng) trong tiếng Việt hiện nay là "toàn thể những người cùng sống, có những điểm giống nhau, gắn bó thành một khối trong sinh hoạt xã hội".

Ngoài ra cụm từ “cộng đồng” có nhiều kết hợp mở rộng như: cộng đồng xã hội (xã: nhiều người cộng lại, hội: hợp lại), chỉ "tập đoàn người rộng lớn có những dấu hiệu, đặc điểm xã hội chung về thành phần giai cấp, nghề nghiệp, đặc điểm sinh tụ và cư trú"; cộng đồng làng xã là “tập hợp những người sống theo quan hệ xóm làng ở nông

thôn”; cộng đồng ngôn ngữ chỉ “tập hợp những người cùng nói một ngôn ngữ nào đó”; cộng đồng người Việt ở nước ngoài chỉ “những người gốc Việt hiện không sinh sống ở trong nước mà đang ở các quốc gia khác”; Cộng đồng các nước nói tiếng Pháp - Cộng đồng Pháp ngữ là “các quốc gia có sử dụng tiếng Pháp là ngôn ngữ chính hoặc ngôn ngữ thứ hai...”; v.v...

Tại điều 3, khoản 28 giải thích thuật ngữ, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 nêu rõ: “*Cộng đồng dân cư* là cộng đồng người sinh sống trên cùng địa bàn thôn, ấp, bản, làng, buôn, bon, phum, sóc, tổ dân phố hoặc điểm dân cư tương tự trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”.

Khái niệm về cụm từ này còn có thể được phát biểu theo một cách khác: *Cộng đồng là một tập hợp công dân cư trú trong một khu vực địa lý, hợp tác với nhau về những lợi ích chung và chia sẻ những giá trị văn hoá chung.* Một số tổ chức chính trị - xã hội cũng có thể đại diện cho cộng đồng như: Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân ...

3.2. Sự tham gia của cộng đồng

Định nghĩa thuật ngữ “Sự tham gia của cộng đồng” Theo Clarence Shubert là quá trình trong đó các nhóm dân cư của cộng đồng tác động vào quá trình quy hoạch, thực hiện, quản lý sử dụng hoặc duy trì một dịch vụ, trang thiết bị hay phạm vi hoạt động. Các hoạt động của các cá nhân không có tổ chức sẽ không được coi là sự tham gia của cộng đồng.

- Sự tham gia của cộng đồng là một quá trình mà Chính phủ và cộng đồng cùng nhận một số trách nhiệm cụ thể và tiến hành các hoạt động để cung cấp các dịch vụ đô thị cho tất cả cộng đồng.

- Sự tham gia của cộng đồng là đảm bảo cho những người chịu ảnh hưởng của dự án được tham gia vào việc quyết định dự án.

- Sự tham gia của cộng đồng là tìm và huy động các nguồn lực của cộng đồng, qua đó để tăng lợi ích cho cộng đồng dân cư giảm các chi phí, tăng hiệu quả kinh tế và hiệu quả chính trị cho Nhà nước. ...

Một trong những phương thức quản lý phù hợp với nguyên tắc đã được Hội nghị Quốc tế về Môi trường và Phát triển họp tại Rio de Janeiro năm 1992 đặt ra là: Để cho các cộng đồng tự quản lý môi trường của mình (9 nguyên tắc về phát triển bền vững - Agenda 21 Hội nghị quốc tế về môi trường tại Rio de Janeiro - 1992). Vì vậy, sự tham gia của cộng đồng vào tất cả mọi hoạt động của Bảo vệ môi trường là yếu tố thành công của công tác quản lý môi trường. Chúng ta có thể kể ra đây rất nhiều hình thức hoạt động mang tính cộng đồng như:

- Phụ nữ với phong trào xanh, sạch đẹp,
- Tổ dân phố tự quản về vệ sinh môi trường.
- Tuần lễ làm cho thế giới sạch hơn
- Giờ Trái đất

Sự tham gia của cộng đồng vào bảo vệ môi trường khác với sự tham gia của từng cá nhân, bởi vì trước hết cộng đồng là một tập hợp dân cư có lịch sử gắn bó lâu dài và chia sẻ nhiều đặc điểm chung. Chính vì vậy, cộng đồng là một tổng thể nên có những nét chung mà từng cá nhân tạo nên cộng đồng không có.

3.3. *Vai trò của cộng đồng trong quản lý môi trường*

Trong sản xuất công nghiệp trực tiếp là nhà sản xuất, nhà doanh nghiệp, họ có những vấn đề môi trường khác xa với cư dân ở trong khu ở, trong đô thị ... Nhưng dù với bất kỳ đối tượng nào việc ép buộc họ tuân thủ theo các quy định về môi trường nhiều khi vấp phải sự chống đối, trốn tránh, thậm chí dùng mọi cách để che đậy hành vi vi phạm của mình và đương nhiên nhà quản lý môi trường trở nên đối lập với họ. Việc xử phạt cũng chỉ là biện pháp tình thế vì sự việc đã xảy ra rồi. Vì vậy, vấn đề đặt ra là làm thế nào để doanh nghiệp, nhà sản xuất không cho các quy định về môi trường là rào cản công tác sản xuất kinh doanh của họ và họ tự nguyện tuân thủ các quy định đó. Thực tế hiện nay việc quản lý môi trường đang sử dụng ba cách tiếp cận chính đó là kiểm soát hoạt động theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (công cụ pháp lý), các cơ chế, chính sách ưu tiên về thuế, hỗ trợ đầu tư, ... dựa trên quy luật điều tiết thị trường (công cụ kinh tế) và phản ứng của cộng đồng (sự tham gia của cộng đồng) để điều chỉnh hành vi.

Qua đây, chúng ta thấy sử dụng cả hai công cụ nêu trên (công cụ pháp lý và công cụ kinh tế) đều là những biện pháp hữu hiệu để quản lý môi trường, đặc biệt nếu có sự phối hợp tốt. Nhưng đồng thời chúng ta cũng nhận thấy rằng điều này đã tạo ra cơ chế thực thi các biện pháp bảo vệ môi trường thuộc vào các cơ quan chức năng của Nhà nước từ Trung ương tới địa phương, mà thiếu đi trách nhiệm tham gia, giám sát của cộng đồng. Cộng đồng thờ ơ, thậm chí vô cảm với hành vi gây ô nhiễm, tổn hại môi trường. Bởi họ cho rằng việc bảo vệ môi trường đã có các nhà quản lý, cơ quan chính quyền, những người được trả lương để làm việc này. Điều này đúng, nhưng trong lĩnh vực môi trường chúng ta nhìn nhận có những đặc thù và sự tham gia của tổ chức cộng đồng cũng cần có cơ chế để hoạt động Kinh nghiệm cho thấy trong nhiều trường hợp sử dụng yếu tố sự tham gia cộng đồng trong quản lý môi trường lại hiệu quả hơn việc sử dụng các công cụ đã nói trên đây.

Bài học về Vedan (Công ty Vedan) gây ô nhiễm môi trường sông Thị Vải cách đây hơn 10 năm đã chứng minh hiệu quả của sự tham gia của cộng đồng trong quản lý và bảo vệ môi trường. Chúng ta hãy điểm qua những nét chính của sự kiện này.

Ngày 13 tháng 9 năm 2008, đoàn kiểm tra liên ngành đã bắt quả tang Công ty Vedan đóng tại huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xả một lượng nước thải lớn chưa qua xử lý ra sông Thị Vải. Theo ước tính, Vedan có thể xả nước thải tới 5.000 m³/ngày ra sông. Đến ngày 19 tháng 9 năm 2008, Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố kết quả điều tra 10 sai phạm của Vedan. Ngày 6 tháng 10 năm 2008, Chánh Thanh tra Bộ Tài nguyên Môi trường ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường đối với Vedan với tổng số tiền phạt là 267,5 triệu đồng, buộc truy nộp phí bảo vệ môi trường hơn 127 tỷ đồng.

Việc Vedan xả nước thải chưa qua xử lý ra môi trường làm thiệt hại đến hoạt động sản xuất của người dân, đã gây ảnh hưởng lớn đến sinh kế của người nông dân, đặc biệt là hàng ngàn hộ nuôi trồng và đánh bắt thủy hải sản ở 3 tỉnh là Đồng Nai, Bà Rịa – Vũng Tàu và huyện Cần Giỏi (TP. Hồ Chí Minh). Sau khi tính toán cụ thể, từng nhóm đối tượng thiệt hại, tổng số tiền mà Hội Nông dân của ba tỉnh trên đề nghị Vedan bồi thường trong tổng số là 569 tỉ đồng

Trước sự kiện này, Vedan đã đơn phương đưa ra số tiền “hỗ trợ” là 25 tỷ đồng cho 3 tỉnh. Nhưng số tiền này không được các địa phương chấp nhận vì nó quá nhỏ so với số thiệt hại thực tế. Ngày 22 tháng 5 năm 2009, Hội Nông dân 3 tỉnh đã đưa ra số tiền đề nghị Vedan chi trả bồi thường là 569 tỷ đồng, tức khoảng 45 – 48 % thiệt hại

thực tế. Các cấp chính quyền đã tổ chức nhiều cuộc họp với Công ty Vedan để thỏa thuận mức đền bù. Tuy nhiên, công ty này nhiều lần đưa giá thấp hơn yêu cầu, khiến thỏa thuận không thành, buộc người dân của 3 tỉnh nói trên khởi kiện Công ty Vedan ra tòa.

Chúng ta hãy khoan bàn tới những vấn đề về thủ tục, quy trình khởi kiện cũng như những cơ sở pháp lý vào thời điểm này. Nhưng chúng ta thấy việc cơ sở gây ô nhiễm môi trường không có thiện chí, trốn tránh trách nhiệm bồi thường gây bức xúc trong công luận và người dân. Hệ quả, người dân cả nước đồng lòng tẩy chay các sản phẩm của Vedan. Khởi đầu từ ngày 5 tháng 8 năm 2010 các siêu thị Co.op Mart trên toàn quốc ngưng bày bán các sản phẩm của Vedan và yêu cầu doanh nghiệp này thu hồi lại sản phẩm của họ cho đến khi họ khắc phục xong sự cố, giải quyết đền bù thỏa đáng cho người dân. Tiếp đến, các siêu thị khác ở miền Trung và miền Bắc như Big C, Metro, Citimart cũng có các hành động tương tự.

Từ đây, suy luận giản đơn cũng cho thấy hàng trăm tấn sản phẩm sản xuất ra mỗi ngày, doanh nghiệp lấy kho đâu để lưu chứa, sản phẩm không bán được làm sao để thu hồi nguồn vốn tái sản xuất ... Doanh nghiệp tự đóng cửa mà không cần các quyết định hành chính từ các cấp quản lý Nhà nước. Cuối cùng, Công ty Vedan chấp nhận mức bồi thường thiệt hại cho người dân 3 tỉnh với số tiền trên 220 tỷ đồng. Trong đó ngư dân TP HCM 50 tỷ, Bà Rịa – Vũng Tàu 53 tỷ và Đồng Nai 120 tỷ đồng. (Lưu ý: Ngoài số tiền bồi thường trên Vedan cũng đã thanh toán toàn bộ chi phí kiểm tra, giám sát, phân tích mẫu, đánh giá môi trường, các hoạt động tư vấn và một số chi phí khác liên quan đến việc giải quyết vụ Vedan xả thải gây ô nhiễm môi trường, gây thiệt hại cho 3 địa phương),

Nhắc lại bài học trên đây chỉ với mục đích khẳng định vị trí, vai trò to lớn và tính hiệu quả của sự tham gia của cộng đồng trong quản lý và bảo vệ môi trường mà việc sử dụng các công cụ nói trên không đạt được mục đích, nếu không muốn nói là thất bại. Gần đây hơn là bài học từ vụ Formosa ...



Hình ảnh người dân đánh cá, mưu sinh trên sông Thị Vải, Đồng Nai

3.4. Phổ biến thông tin và sự tham gia của cộng đồng trong quản lý môi trường.

Có thể coi tiếp cận thông tin (TCTT) là một khái niệm gắn liền với đổi mới ở Việt Nam và được xác lập lần đầu tiên trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên xã hội chủ nghĩa được thông qua tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng (1991). Thể chế hóa đường lối của Đảng, đến nay quyền TCTT của công dân và cơ chế bảo đảm quyền này được thể hiện ngày càng cao trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Điều 25 Hiến pháp 2013 của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam công nhận đây là một quyền công dân cơ bản. Cụ thể, gần đây nhất Quốc hội đã thông qua Luật Tiếp cận thông tin vào ngày 06/4/2016 (có hiệu lực từ 01/7/2018), theo đó người dân có quyền yêu cầu cung cấp thông tin....

Tại khoản 1 điều 5 Chính sách của Nhà nước về bảo vệ môi trường, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định: “Tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân tham gia thực hiện, kiểm tra, giám sát hoạt động bảo vệ môi trường” và tại khoản 6 điều luật nói trên ghi rõ: “Bảo đảm quyền lợi của tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân đóng góp cho hoạt động bảo vệ môi trường; ưu đãi, hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường; thúc đẩy sản phẩm, dịch vụ thân thiện môi trường”.

Đối với lĩnh vực môi trường, quyền TCTT được cụ thể hóa trong những quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020, trong quy trình thực hiện đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường đối với các chính sách, chiến lược, quy hoạch, chương trình, dự án Quy định về tham vấn cộng đồng, thông tin về nguồn thải, chất thải, xử lý chất thải; Khu vực môi trường bị ô nhiễm, suy thoái ở mức nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng, khu vực có nguy cơ xảy ra sự cố môi trường.

Đặc biệt, Luật BVMT năm 2020 cũng đã xác định cộng đồng dân cư là một chủ thể trong công tác bảo vệ môi trường, quy định thiết lập hệ thống trực tuyến tiếp nhận, xử lý, trả lời phản ánh, kiến nghị, tham vấn của tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư về BVMT. Người dân có thể tham gia giám sát thông qua công nghệ thông tin, qua các ứng dụng trên điện thoại.

Đi ngược thời gian, Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật BVMT 2014 (Lưu ý rằng ngoài một số điều luật đặc biệt, thì Luật Bảo vệ môi trường 2020 phải đến 01/01/2022 mới có hiệu lực) đã cụ thể hóa các hình thức cung cấp thông tin môi trường cho cộng đồng dân cư như tài liệu, ấn phẩm, xuất bản phẩm phát hành trên các phương tiện thông tin đại chúng; trang thông tin điện tử chính thức của cơ quan quản lý, chủ đầu tư, chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; niêm yết công khai tại cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ, trụ sở UBND cấp xã...

Thông tin về các chủ trương chính sách, về mức độ tuân thủ các quy định về môi trường của các doanh nghiệp, về tình trạng ô nhiễm môi trường.... Thông tin toàn diện, chính xác giúp doanh nghiệp và công chúng ý thức được tính chất nghiêm trọng của vấn đề từ đó chủ động tham gia vào các hoạt động tại cơ sở và tại địa phương. Đặc biệt là tìm ra phương cách ứng xử phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và truyền thống văn hoá của mỗi địa phương.

Thông tin việc tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp được phản ánh thường xuyên trên các phương tiện thông tin đại chúng từ đó sản phẩm của các doanh nghiệp làm tốt công tác bảo vệ môi trường được công chúng

ưu tiên tiêu thụ, còn đối với các doanh nghiệp không tuân thủ, gây ô nhiễm thì bị tẩy chay... Chính những việc làm này, cộng đồng đã tạo ra áp lực đối với các nhà sản xuất, các nhà doanh nghiệp buộc họ phải thay đổi hành vi của mình trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Phổ biến thông tin toàn diện là một mô hình tiếp cận mới trong việc bảo vệ môi trường, kiểm soát ô nhiễm vì nó tạo ra tiếng nói chung, tạo ra cơ chế hợp tác giữa Chính phủ, Cộng đồng và Doanh nghiệp theo hướng "đối thoại" hơn là "đối đầu". Thông tin chính xác, minh bạch và đầy đủ là cầu nối giữa các bên đối tác, giúp họ hiểu nhau hơn, cùng bàn bạc, cùng làm, kết quả cuối cùng đạt được đó là giảm thiểu ô nhiễm, cải thiện điều kiện môi trường, thay vì cưỡng chế thực hiện pháp luật hoặc xử phạt kinh tế.

Mô hình này cũng quy định trách nhiệm của các bên đối tác. Đối với cơ quan quản lý nhà nước cam kết sử dụng công nghệ thông tin, phổ cập thông tin đến mọi người về các hoạt động giám sát, cưỡng chế, xử phạt ô nhiễm, các loại hình thuế, phí môi trường ... Đối với nhà sản xuất, nhà doanh nghiệp áp dụng các biện pháp để giảm thiểu chất thải, giảm thiểu ô nhiễm tạo uy tín sản phẩm do mình sản xuất trong xã hội. Đối với cộng đồng bao gồm các tổ chức quần chúng, các tổ chức phi chính phủ cam kết sự tham gia mạnh mẽ thúc đẩy sự giám sát ô nhiễm và phát hiện những hành vi chưa đúng luật của cơ quan quản lý nhà nước và các doanh nghiệp. Đồng thời ưu tiên khuyến khích những doanh nghiệp nào làm tốt công tác bảo vệ môi trường, tạo thị trường cho sản phẩm của họ, buộc các doanh nghiệp gây ô nhiễm phải áp dụng các biện pháp để cải thiện điều kiện môi trường. Như vậy vai trò của cộng đồng trong mô hình này như là một nhà quản lý không chính thức, vì vậy nó thật sự có hiệu quả trong việc xã hội hoá công tác bảo vệ môi trường.

Phổ biến thông tin được sử dụng như là một công cụ hỗ trợ trong quản lý môi trường thực ra không phải là một cách tiếp cận mới. Tuy nhiên, để thực hiện cần nhiều điều kiện khác, như hành lang pháp lý, cơ chế chính sách trong truyền thông thông tin, trách nhiệm của các cơ quan chức năng, chính quyền, tổ chức cộng đồng ... Một số kinh nghiệm của các nước như ở Ấn Độ, Philippines chúng ta có thể học hỏi.

4. Thay cho lời kết

Từ những vấn đề được nêu trên đây cho thấy rằng các cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường cần có những giải pháp nhằm nâng cao tính hiệu quả trong việc áp dụng các công cụ quản lý và sự tham gia của cộng đồng trong quản lý môi trường. Theo đó, cần thiết xây dựng cơ chế chính sách quản lý, tính liên kết trong việc áp dụng các công cụ quản lý. Đồng thời đi kèm với đó là xây dựng mạng lưới cung cấp thông tin, hệ thống theo dõi chất lượng môi trường cho tất cả các thành phố trên cả nước. Xem xét, công khai công bố các sản phẩm của các doanh nghiệp cổ ý một cách trực tiếp hay gián tiếp gây ô nhiễm môi trường, không khắc phục hậu quả do mình gây ra trước công luận và người dân.

Cũng từ bài học của Vedan, mỗi doanh nghiệp phải xem lại việc phát triển kinh tế phải đi kèm với trách nhiệm về bảo vệ môi trường. Từng bước hoàn thiện công nghệ sản xuất theo hướng xanh, sạch, gắn lợi ích doanh nghiệp với lợi ích cộng đồng. Có vậy, doanh nghiệp mới tạo dựng được hình ảnh tốt đẹp trong lòng người tiêu dùng và sản phẩm của họ mới khẳng định thương hiệu bền vững. Khi đó sẽ không còn các nhà đầu tư "tham nhũng môi trường", như cách nói của một số nhà hoạt động BVMT hiện nay.

Sự đồng hành của công luận lẫn người dân cả nước dựa trên hệ thống luật pháp chặt chẽ của Nhà nước sẽ tạo nên sức mạnh mang tính cảnh báo, răn đe, giáo dục ý thức bảo vệ môi trường đối với bất kỳ ai, bất kỳ nhà đầu tư, bất kỳ cơ sở sản xuất nào cố tình không thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường. Điều này thể hiện tính hiệu quả của việc áp dụng tổng hợp các công cụ trong quản lý môi trường, một công việc vô cùng khó khăn, phức tạp nhưng vô cùng quan trọng vì nó là lá chắn bảo vệ cuộc sống của tất cả chúng ta, bảo vệ sự tồn tại của hành tinh này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chính phủ (2015), *Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường 2014*
2. Phạm Ngọc Đăng (2010) *Quản lý môi trường Đô thị và Khu Công nghiệp*, Nhà Xuất bản xây dựng, Hà Nội
3. Quốc hội, (2020) *Luật Bảo vệ môi trường, số 72/2020/QH14*
4. Quốc hội (2016), *Luật Tiếp cận thông tin, số 104/2016/QH13*
5. Mạng thông tin quốc tế Internet.